

Báo cáo Thị trường Thép

Năm 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh
toàn cảnh về tình hình sản xuất,
biến động giá cả, tình hình
tiêu thụ và các dự báo về
thị trường thép trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường thép thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ thép thế giới	05
2. Thương mại	06
3. Giá thép	07
4. Dự báo	09
Phần II: Thị trường thép Trung Quốc	11
1. Sản lượng	12
2. Xuất nhập khẩu, tồn kho	13
3. Diễn biến giá	14
Phần III: Thị trường thép Việt Nam	16
1. Nguồn cung	17
2. Diễn biến giá	22
3. Dự báo	24
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	25
Phụ lục	29

Viết tắt, giải nghĩa

CISA: Hiệp hội Thép Trung Quốc

Eurofer: Hiệp hội thép châu Âu

HRC: Thép cuộn cán nóng

SHFE: Sở giao dịch Hàng hóa
Thượng Hải

VCCI: Liên đoàn Thương mại và Công
nghiệp Việt Nam

VSA: Hiệp hội Thép Việt Nam

Worldsteel: Hiệp hội Thép Thế giới

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Năm 2025, tổng sản lượng thép thô của 70 quốc gia trên thế giới đạt 1,8 tỷ tấn, giảm 2% so với 2024.
- Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết nước này sẽ triển khai cơ chế cấp phép xuất khẩu thép, nhằm kiểm soát làn sóng xuất khẩu kim loại đạt mức kỷ lục trong thời gian qua.
- Thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu chịu áp lực ở mức vừa phải trong năm 2025. Dù giá có xu hướng tăng vào cuối năm, mức giá bình quân cả năm của các sản phẩm vẫn giảm từ 5–12%. Ngoại lệ là thị trường Mỹ, nơi chỉ số giá tăng trung bình 11,1% trong cả năm.
- Giá quặng sắt có thể chịu áp lực trong giai đoạn cuối năm 2026 khi tổ hợp khai thác Simandou tại Guinea, với công suất 120 triệu tấn mỗi năm, tăng sản lượng.
- Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, năm 2025, sản lượng thép của Trung Quốc trong đã giảm xuống dưới mốc 1 tỷ tấn, đạt 960,81 triệu tấn, đánh dấu mức thấp nhất kể từ năm 2018 và giảm 4,4% so với năm 2024. Nguyên nhân chính đến từ cuộc khủng hoảng kéo dài của thị trường bất động sản, khiến nhu cầu thép nội địa suy yếu rõ rệt.
- Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), thị trường thép Việt Nam 2025 dần hồi phục và đạt kết quả tăng trưởng tích cực cả năm. Sản lượng sản xuất thép thô cả năm 2025 đạt gần 24,7 triệu tấn, tăng 12% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 12/2025 đạt gần 3 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ 2024. Lũy kế cả năm 2025 đạt hơn 32,26 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2024.
- Lượng tiêu thụ đạt 31,62 triệu tấn, tăng gần 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, năm nay các doanh nghiệp tiêu thụ gần hết lượng thép đã sản xuất.
- Tổng lượng thép xuất khẩu (bao gồm cả thép thô, thép thành phẩm và các loại thép khác) đạt hơn 10 triệu tấn, trị giá 6,6 tỷ USD giảm 20% về lượng và giảm 27% so với cùng kỳ năm ngoái.
- Theo VSA, ngành thép Việt Nam năm 2026 được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ 8 - 10%. VSA dự báo sản xuất thép thành phẩm giai đoạn này sẽ đạt khoảng 33 - 34,5 triệu tấn, và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt khoảng 26 triệu tấn.
- Năm 2025, bức tranh ngành thép phân hoá mạnh khi nhóm thép xây dựng hưởng lợi hơn nhờ nhu cầu nội địa (đầu tư công, hạ tầng), trong khi nhóm tôn mạ/ống thép chịu áp lực khi xuất khẩu suy yếu và rào cản thương mại tăng, kéo biên lợi nhuận toàn ngành bị bào mòn.

Phần I:

Thị trường thép thế giới



Trong năm 2025, tổng sản lượng thép thô của 70 quốc gia trên thế giới đạt 1,8 tỷ tấn, giảm 2% so với 2024. Thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu chịu áp lực ở mức vừa phải trong năm 2025. Dù giá có xu hướng tăng vào cuối năm, mức giá bình quân cả năm của các sản phẩm vẫn giảm từ 5–12%. Ngoại lệ là thị trường Mỹ, nơi chỉ số giá tăng trung bình 11,1% trong cả năm.

1 Sản lượng, tiêu thụ thép thế giới

Sản lượng thép thô toàn cầu

Sản lượng thép thô thế giới của 70 quốc gia báo cáo với Hiệp hội Thép Thế giới (World Steel Association – worldsteel) đạt 139,6 triệu tấn trong tháng 12/2025, giảm 3,7% so với tháng 1/2024. Tính chung cả năm, tổng sản lượng thép của 70 quốc gia trên thế giới đạt 1,8 tỷ tấn, giảm 2% so với 2024 (**Bảng 1**).

Trung Quốc là nhà sản xuất lớn nhất thế giới theo thống kê của WSA với 961 triệu tấn trong năm 2025, giảm 4,4% so với năm 2024 (**Bảng 2**).

Bảng 1: Sản lượng thép thô theo khu vực

70 quốc gia được liệt kê trong bảng này chiếm khoảng 98% tổng sản lượng thép thô toàn cầu năm 2024.
Nguồn: Worldsteel.

STT	Khu vực	Sản lượng tháng 12/2025 (triệu tấn)	Thay đổi so với cùng kỳ năm trước	Sản lượng năm 2025 (triệu tấn)	Thay đổi so với cùng kỳ năm trước
1	Châu Phi	1,9	▼ 0,3%	23,2	▲ 3,8%
2	Châu Á & châu Đại Dương	99,7	▼ 6,3%	1.324,5	▼ 2,4%
3	EU (27)	9,9	▲ 3,9%	126,2	▼ 2,6%
4	Châu Âu khác	3,8	▲ 13,8%	42,8	▼ 0,9%
5	Trung Đông	5,3	▲ 13,9%	56,9	▲ 4,3%
6	Bắc Mỹ	9	▼ 0,4%	107,4	▲ 0,7%
7	Nga & CIS + Ukraine	6,9	▼ 2,7%	81,3	▼ 4,4%
8	Nam Mỹ	3,2	▲ 1,2%	41,5	▼ 1,2%
Tổng	70 quốc gia	139,6	▼ 3,7%	1.803,8	▼ 2,0%

Bảng 2: 10 quốc gia sản xuất thép hàng đầu

Nguồn: Worldsteel.

STT	Quốc gia	Sản lượng tháng 12/2025 (triệu tấn)	Thay đổi so với cùng kỳ năm trước	Sản lượng năm 2025 (triệu tấn)	Thay đổi so với cùng kỳ năm trước
1	Trung Quốc	68,2	▼ 10,3%	960,8	▼ 4,4%
2	Ấn Độ	14,8	▲ 10,1%	164,9	▲ 10,4%
3	Hoa Kỳ	6,9	▲ 3,6%	82,0	▲ 3,1%
4	Nhật Bản	6,6	▼ 4,8%	80,7	▼ 4,0%
5	Nga (ước tính)	5,8	▼ 4,4%	67,8	▼ 4,5%
6	Hàn Quốc	5,2	▼ 2,4%	61,9	▼ 2,8%
7	Thổ Nhĩ Kỳ	3,5	▲ 18,5%	38,1	▲ 3,3%
8	Đức	2,7	▼ 0,2%	34,1	▼ 8,6%
9	Brazil	2,6	▼ 1,9%	33,3	▼ 1,6%
10	Iran (ước tính)	3,0	▲ 16,2%	31,8	▲ 1,4%

2 Thương mại

Ấn Độ áp thuế quan tạm thời đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu

Ngày 30/12, Ấn Độ quyết định áp thuế quan trong thời hạn ba năm đối với một số sản phẩm thép nhập khẩu. Động thái này chủ yếu nhằm hạn chế làn sóng thép giá rẻ nhập khẩu từ Trung Quốc.

Theo quy định, mức thuế sẽ được áp 12% trong năm đầu tiên, giảm xuống 11,5% trong năm thứ hai và tiếp tục hạ còn 11% trong năm thứ ba.

Ấn Độ đang đối mặt với tình trạng thép giá rẻ từ Trung Quốc ồ ạt tràn vào, làm dấy lên lo ngại về hành vi bán phá giá và gây sức ép lớn đối với các nhà sản xuất thép trong nước.

Biện pháp này được công bố trên công báo chính thức của chính phủ Ấn Độ, trong đó loại trừ thép nhập khẩu từ một số quốc gia đang phát triển.

Tuy nhiên, thép nhập khẩu từ Trung Quốc và Nepal vẫn thuộc diện chịu thuế. Quy định cũng không áp dụng đối với các sản phẩm thép

chuyên dụng như thép không gỉ. Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ nhiều lần khẳng định không muốn ngành thép trong nước phải chịu thiệt hại do thép nhập khẩu giá rẻ và các sản phẩm kém chất lượng.

Trung Quốc siết xuất khẩu thép

Bloomberg dẫn lời Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết nước này sẽ triển khai cơ chế cấp phép xuất khẩu thép, nhằm kiểm soát làn sóng xuất khẩu kim loại đạt mức kỷ lục trong thời gian qua.

Theo thông báo của Bộ Thương mại Trung Quốc, kể từ ngày 1/1/2026, các doanh nghiệp xuất khẩu nước này sẽ phải xin phép trước khi xuất khẩu một loạt sản phẩm thép.

Thông báo không nêu rõ lý do áp dụng quy định mới, song được đưa ra vào thời điểm Trung Quốc vừa khép lại một năm xuất khẩu thép đạt mức cao kỷ lục.

Danh mục áp dụng cơ chế cấp phép bao gồm khoảng 300 mặt hàng thép cụ thể, trong đó có một số loại phôi thép, thép cuộn cán nóng và thép không gỉ.



Ảnh: AVC crane.

3 Giá thép

Thị trường thép cuộn cán nóng (HRC) toàn cầu chịu áp lực ở mức vừa phải trong năm 2025. Dù giá có xu hướng tăng vào cuối năm, mức giá bình quân cả năm của các sản phẩm vẫn giảm từ 5–12%. Ngoại lệ là thị trường Mỹ, nơi chỉ số giá tăng trung bình 11,1% trong cả năm (**Biểu đồ 1**).

Châu Âu: Tại thị trường EU, giá HRC bình quân cả năm giảm tại hầu hết các khu vực trọng điểm. Ở Tây Âu, chỉ số này giảm 4,6% so với năm 2024, xuống còn 603,2 euro/tấn giá xuất xưởng. Tính đến giữa tháng 12, giá chào bán trong khu vực ở mức 620 euro/tấn giá xuất xưởng, cao hơn 9,3% so với tháng 12/2024 và tăng 1,6% so với tháng trước. Mức giá này được duy trì từ đầu tháng và là mức cao nhất kể từ đầu tháng 6.

Tại Italy, giá bình quân năm 2025 đạt 578,4 euro/tấn giá xuất xưởng, giảm 7% so với năm 2024. Hiện tại, giá giữa tháng 12 được cố định ở mức 605 euro/tấn giá xuất xưởng, cao hơn 7,1% so với cùng kỳ năm ngoái.

Thị trường thép cuộn cán nóng nhập khẩu tại Nam Âu ghi nhận mức sụt giảm mạnh, với giá

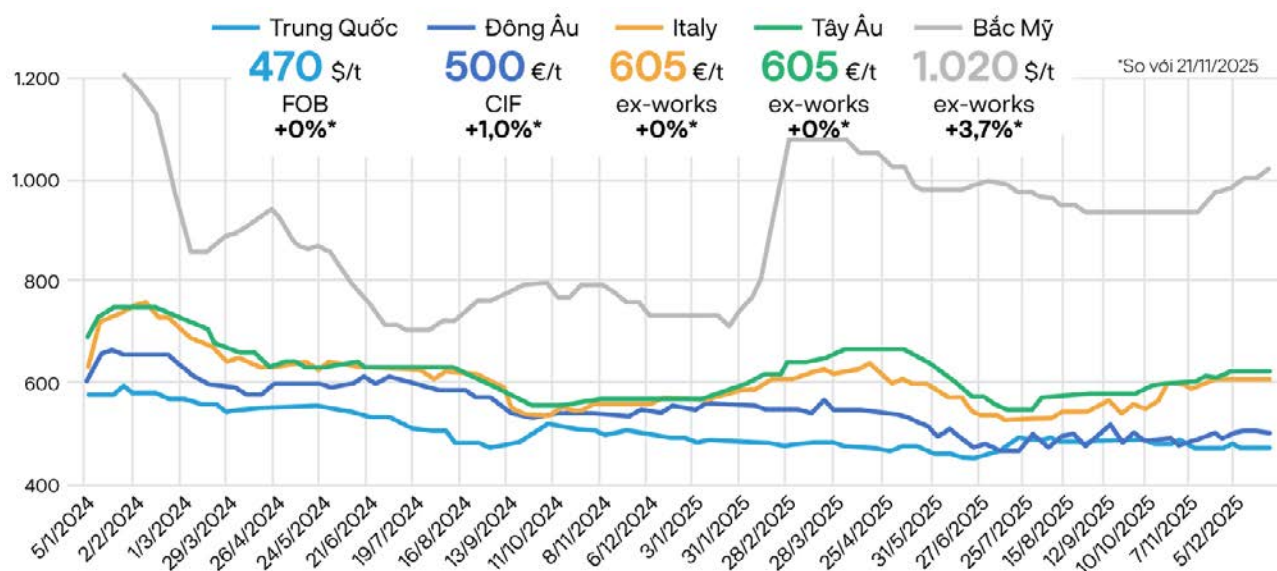
bình quân năm đạt 512,7 euro/tấn CIF, tương ứng mức giảm 12,1% so với cùng kỳ. Giá chào hiện ở mức 500 euro/tấn CIF, thấp hơn 9,1% so với tháng 12 năm ngoái nhưng cao hơn 1% so với một tháng trước đó.

Trong những tháng cuối năm, thị trường HRC châu Âu dần ổn định sau một thời gian dài nhu cầu yếu. Động lực chính không đến từ tiêu thụ tăng, mà từ các yếu tố mang tính điều tiết. Các nhà sản xuất duy trì được giá trên ngưỡng tâm lý 600 euro/tấn, song đà tăng diễn ra chậm và không đồng đều, thường xuyên kèm theo chiết khấu để lấp đầy sản lượng trong những giai đoạn hoạt động trầm lắng. Người mua vẫn thận trọng, giao dịch theo lô nhỏ trong bối cảnh lượng lớn thép nhập khẩu đã được ký hợp đồng từ mùa hè.

Sự không chắc chắn xung quanh CBAM và cơ chế bảo hộ thương mại trong tương lai có tác động quyết định đến thị trường. Hàng nhập khẩu, dù vẫn hấp dẫn về giá, đã mất dần lợi thế cạnh tranh do rủi ro phát sinh chi phí bổ sung, chậm trễ thông quan và sự phức tạp trong tính toán chi phí carbon. Điều này dần nghiêng cán cân về phía các nhà sản xuất nội địa, những bên ngày càng bảo vệ giá bán.

Biểu đồ 1: Giá thép HRC tại một số khu vực từ 2024 đến 2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: GMK Center.



Thị trường còn được hỗ trợ bởi nguồn cung hạn chế đối với một số mức thép, thời gian giao hàng kéo dài và việc các nhà máy không mặn mà khởi động lại nhanh công suất lò cao do chi phí cao và thiếu hạn ngạch CO₂. Đợt tăng giá gần nhất của ArcelorMittal vào cuối năm mang tính biểu tượng nhiều hơn, phản ánh tác động của các quy định đối với thị trường.

Giá HRC tại EU được dự báo sẽ duy trì ở mức cao và biến động trong năm 2026. Việc triển khai đầy đủ CBAM và cơ chế phòng vệ thương mại mới vào giữa năm sẽ hỗ trợ giá, song sự phục hồi yếu của nhu cầu công nghiệp có thể hạn chế dư địa tăng và chuyển áp lực chính sang phía người tiêu dùng trong nửa cuối năm.

Mỹ: Thị trường HRC tại Mỹ bước vào giai đoạn tăng ổn định trong năm nay, trái ngược rõ rệt với các khu vực khác, với giá bình quân năm tăng 11,1% lên 949,4 USD/tấn giá xuất xưởng. Giá chào hiện quanh mức 1.020 USD/tấn giá xuất xưởng, tăng 39,1% so với tháng 12/2024 và tăng 3,7% so với tháng trước. Đây cũng là mức cao nhất kể từ tháng 5.

Yếu tố chính thúc đẩy đà tăng là các động thái điều chỉnh giá nhất quán của các nhà sản xuất nội địa, đặc biệt là Nucor, đơn vị đã nâng giá giao ngay hàng tuần kể từ cuối tháng 10. Điều này dần đẩy mặt bằng giá thị trường đi lên, ngay cả khi doanh số bán vẫn trầm lắng và hoạt động mang tính mùa vụ chậm lại vào cuối năm. Thị trường còn được hỗ trợ bởi việc chủ động cắt giảm công suất trong nửa cuối năm, tồn kho thấp tại các trung tâm dịch vụ và áp lực nhập khẩu suy giảm do chính sách thương mại cũng như cơ cấu nhu cầu.

Tuy nhiên, đà tăng giá không đi kèm với sự gia tăng mạnh của tiêu thụ. Nhu cầu vẫn mang tính chọn lọc: các sản phẩm mạ kẽm và cán

nguyên được mua tích cực hơn, trong khi HRC tiêu thụ chậm. Một số ý kiến cho rằng các đợt tăng giá phản ánh nỗ lực của các nhà máy nhằm định hình mặt bằng giá cho năm 2026, dựa trên kỳ vọng tích cực đối với các dự án hạ tầng, trung tâm dữ liệu, ngành bán dẫn. Dù vậy, việc các nhà máy quay trở lại mức sử dụng công suất cao hơn đã hạn chế khả năng tăng giá đột biến.

Giá HRC tương đối cao tại Mỹ được dự báo sẽ duy trì trong năm 2026, nhờ đầu tư hạ tầng, nhu cầu từ các nhà sản xuất ống và triển vọng kinh tế vĩ mô ổn định hơn. Tuy nhiên, tình trạng dư thừa công suất và sự phụ thuộc vào tăng trưởng thực của nhu cầu tiêu thụ cuối cùng có thể kìm hãm tốc độ tăng giá tiếp theo.

Trung Quốc: Tại Trung Quốc, giá HRC bình quân năm 2025 đạt 477 USD/tấn FOB, giảm so với mức 528,7 USD/tấn FOB của năm 2024, tương đương mức giảm 9,8% so với cùng kỳ. Hiện tại, giá chào thị trường ở mức 470 USD/tấn FOB, thấp hơn 4,1% so với tháng 12 năm ngoái và tương đương tháng trước.

Cuối năm, thị trường HRC Trung Quốc vận hành trong trạng thái hợp đồng tương lai mạnh hơn thị trường giao ngay. Giá trên sàn phản ứng với thông tin về khả năng hạn chế nguồn cung, bao gồm tin đồn kiểm soát sản xuất tại Đường Sơn, mở rộng các đợt bảo dưỡng do ô nhiễm không khí, cũng như biến động trên thị trường hàng hóa. Giá quặng sắt tăng và diễn biến không ổn định của than luyện cốc hỗ trợ hợp đồng tương lai trong ngắn hạn. Trong khi đó, thị trường giao ngay vẫn trầm lắng do tiêu thụ biểu kiến giảm và người mua không sẵn sàng chấp nhận giá cao hơn, khiến diễn biến giá hạn chế hoặc suy yếu. Dù tồn kho giảm dần, các thương nhân vẫn thường xuyên phải nhượng giá để đẩy nhanh giao hàng.

Phân khúc xuất khẩu xấu đi trong bối cảnh nhu cầu yếu tại các thị trường chủ chốt và cạnh tranh giá gay gắt, bao gồm cả các chào bán xuất khẩu không hoàn thuế VAT. Những nỗ lực tăng giá theo hợp đồng tương lai gặp phải sự thận trọng từ phía nhà nhập khẩu, với nhiều giao dịch ở mức sát chi phí.

Trong năm 2026, việc áp dụng các quy định mới về khai báo và cấp phép xuất khẩu từ ngày 1/1 sẽ là yếu tố then chốt. Sự không chắc chắn xoay quanh các quy định này có thể hạn chế xuất khẩu không được hoàn thuế VAT, qua đó làm giảm nguồn cung trên thị trường quốc tế và hỗ trợ giá. Tuy nhiên, nhu cầu nội địa yếu và cạnh tranh gay gắt trên thị trường xuất khẩu sẽ tiếp tục gây áp lực lên giá và làm gia tăng biến động trong suốt năm.

4 Dự báo

Sản lượng thép của Trung Quốc đã tạo đỉnh?

Có thể nói sản lượng thép của Trung Quốc đã tạo đỉnh, sau khi sản lượng năm 2025 giảm xuống mức thấp nhất trong 7 năm, theo *Reuters*.

Điều chưa rõ ràng là đà suy giảm này sẽ diễn ra nhanh hay chậm, cũng như những hệ quả đối với các nhà sản xuất và xuất khẩu quặng sắt – nguyên liệu đầu vào then chốt của ngành thép.

Theo số liệu chính thức, Trung Quốc đã sản xuất 960,1 triệu tấn thép thô trong năm ngoái, giảm 4,4% so với mức 1,005 tỷ tấn của năm 2024.

Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2019 – khi sản lượng đạt 996 triệu tấn – sản lượng thép của Trung Quốc giảm xuống dưới ngưỡng 1 tỷ tấn.

Thoạt nhìn, đây có thể được xem là một kết

quả “mềm”, song bối cảnh đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá thị trường thép Trung Quốc, quốc gia chiếm hơn một nửa sản lượng thép toàn cầu.

Thứ nhất, mức sụt giảm này phần lớn là kết quả của một quá trình được điều tiết, trong đó các nhà chức trách tại Bắc Kinh đang nỗ lực bảo đảm ngành thép giải quyết tình trạng dư thừa công suất.

Có thể cho rằng quá trình này đang phát huy tác dụng, khi dữ liệu từ công ty tư vấn Mysteel cho thấy trung bình 54% các nhà sản xuất thép có lãi trong năm ngoái, so với 36% vào năm 2024.

Các công ty tăng cường xuất khẩu thép, với khối lượng xuất khẩu tăng lên mức kỷ lục 119,02 triệu tấn trong năm 2025, tăng 7,5% so với năm trước đó.

Mặc dù thép Trung Quốc phải đối mặt với các biện pháp thuế quan và hạn chế nhập khẩu tại một số quốc gia, như Ấn Độ, song cũng cần lưu ý rằng nhiều quốc gia không có ngành thép nội địa lại hoan nghênh khả năng mua thép Trung Quốc với mức giá cạnh tranh.

Một yếu tố khác là trong khi sản lượng thép của Trung Quốc được dự báo sẽ tiếp tục giảm nhẹ trong năm 2026, thì sản lượng tại các quốc gia châu Á khác lại đang gia tăng.

Nhu cầu thép của Ấn Độ đã tăng lên 150 triệu tấn trong năm tài chính 2025, so với 136,3 triệu tấn của năm trước đó, và công suất của ngành được kỳ vọng sẽ mở rộng lên 300 triệu tấn mỗi năm vào năm 2030.

Các nhà sản xuất nhỏ hơn, như Việt Nam, cũng đang gia tăng nhu cầu, với mức tiêu thụ thép được dự báo sẽ tăng lên khoảng 32 triệu tấn vào năm 2030, so với khoảng 25 triệu tấn vào năm 2025.

Triển vọng thị trường quặng sắt

Việc dịch chuyển sản xuất thép từ Trung Quốc sang các quốc gia châu Á đang phát triển khác có thể sẽ mang lại lợi ích cho các nhà xuất khẩu quặng sắt.

Nhiều khả năng Trung Quốc vẫn sẽ là nước mua quặng sắt lớn nhất trong vài năm tới, ngay cả khi khối lượng nhập khẩu bắt đầu giảm dần theo đà suy giảm của sản lượng thép.

Trung Quốc đã nhập khẩu kỷ lục 1,26 tỷ tấn quặng sắt trong năm 2025, tăng 1,8% so với năm trước đó.

Lượng nhập khẩu tăng mạnh trong nửa cuối năm, khi các doanh nghiệp tái bổ sung tồn kho sau khi lượng dự trữ tại các cảng giảm xuống mức thấp nhất trong 18 tháng.

Theo số liệu do công ty tư vấn SteelHome theo dõi, lượng tồn kho quặng sắt đã tăng từ 130,1 triệu tấn vào đầu tháng 8 lên 148,8 triệu tấn vào cuối năm, và tiếp tục tăng trong năm mới, đạt 157,3 triệu tấn trong tuần kết thúc vào ngày 23/1/2026.

Sự gia tăng của tồn kho quặng sắt đang giúp duy trì nhập khẩu ở mức cao. Công ty tư vấn DBX Commodities ước tính lượng quặng sắt vận chuyển bằng đường biển cập cảng đạt 119,7 triệu tấn trong tháng 1/2026, gần như không đổi so với mức kỷ lục 119,8 triệu tấn của tháng 12/2025.

Nhập khẩu cũng được hỗ trợ bởi sản lượng quặng sắt nội địa suy yếu tại Trung Quốc, khi số liệu chính thức cho thấy sản lượng năm 2025 đạt 983,7 triệu tấn, giảm 2,8% so với một năm trước đó.

Giá quặng sắt nhìn chung ổn định trong những tháng gần đây, với hợp đồng tương lai trên Sàn giao dịch Singapore chốt phiên ở mức 105,70 USD/tấn vào thứ Ba, sau khi dao động trong biên độ từ 100 đến 109 USD/tấn kể từ tháng 8 năm ngoái.

Giá có thể chịu áp lực trong giai đoạn cuối năm 2026 khi tổ hợp khai thác Simandou tại Guinea, với công suất 120 triệu tấn mỗi năm, tăng sản lượng. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, nhu cầu mạnh từ Trung Quốc cùng với sản lượng thép gia tăng tại các nền kinh tế châu Á đang phát triển vẫn đang giữ giá quặng sắt trên ngưỡng 100 USD/tấn. ■

Phần II:

Thị trường thép Trung Quốc



Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, năm 2025, sản lượng thép của Trung Quốc trong đã giảm xuống dưới mốc 1 tỷ tấn, đạt 960,81 triệu tấn, đánh dấu mức thấp nhất kể từ năm 2018 và giảm 4,4% so với năm 2024. Nguyên nhân chính đến từ cuộc khủng hoảng kéo dài của thị trường bất động sản, khiến nhu cầu thép nội địa suy yếu rõ rệt. Các chuyên gia nhận định, sản lượng thép của Trung Quốc đã đạt đỉnh.

1 Sản lượng

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, trong tháng 12/2025, sản lượng thép giảm 2,4% so với tháng 11, xuống còn 68,18 triệu tấn, ghi nhận mức thấp nhất kể từ tháng 12/2023 và giảm tháng thứ 7 liên tiếp. So với cùng kỳ năm 2024, sản lượng tháng 12 giảm 10,3%. Áp lực nhu cầu yếu đã khiến các nhà sản xuất thép Trung Quốc gặp khó khăn về lợi nhuận kể từ nửa cuối năm 2022.

Tính chung năm 2025, sản lượng thép của Trung Quốc trong đã giảm xuống dưới mốc 1 tỷ tấn, đạt 960,81 triệu tấn, đánh dấu mức thấp nhất kể từ năm 2018 và giảm 4,4% so với năm

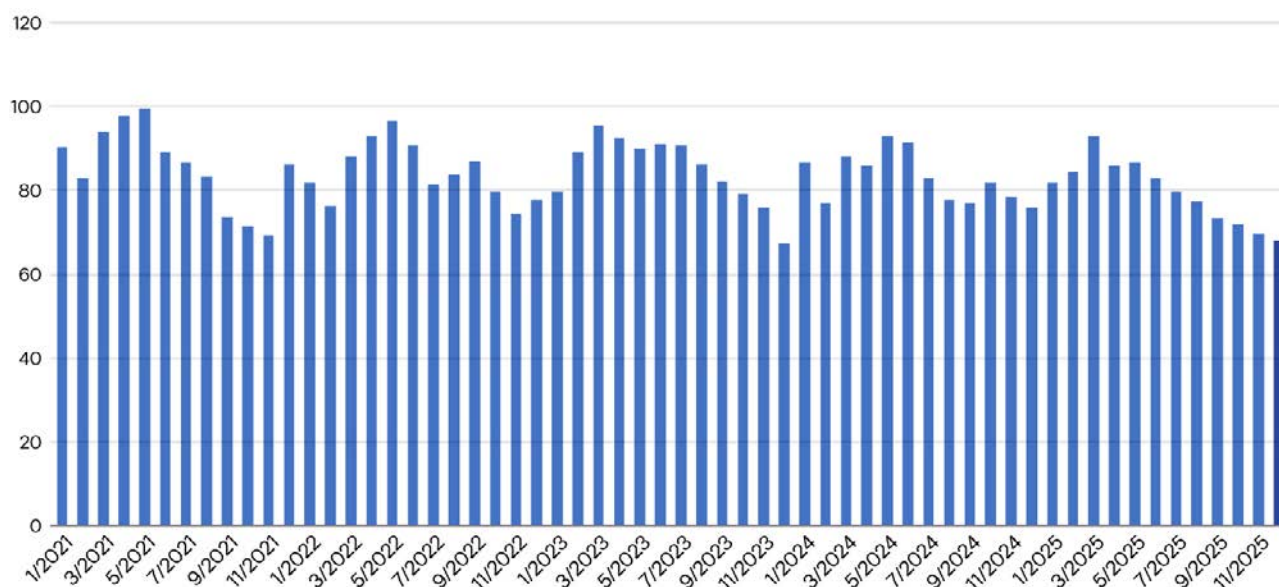
2024. Nguyên nhân chính đến từ cuộc khủng hoảng kéo dài của thị trường bất động sản, khiến nhu cầu thép nội địa suy yếu rõ rệt (**Biểu đồ 2**).

Đáng chú ý, vào năm 2025, tình hình lợi nhuận của các nhà sản xuất thép Trung Quốc đã cải thiện đáng kể, một phần nhờ các nhà sản xuất chuyển hướng sang thép dẹt (như thép cuộn cán nóng – HRC), vốn có nhu cầu cao hơn trong các ngành công nghiệp. Theo tính toán của Reuters dựa trên số liệu chính thức, tỷ trọng thép cây dùng cho xây dựng chỉ còn chiếm 13% tổng sản lượng trong 11 tháng đầu năm 2025, giảm mạnh so với 23% cùng kỳ năm 2019. Dữ liệu từ Mysteel cho thấy 54% nhà máy thép có lãi trong năm 2025, tăng đáng kể so với 36% năm 2024.

Triển vọng năm 2026 cho thấy sản lượng thép thô sẽ tiếp tục giảm nhưng với tốc độ chậm hơn. Chuyên gia Ge Xin của Lange Steel dự báo sản lượng có thể giảm thêm khoảng 3%. Bắc Kinh cũng tuyên bố sẽ tiếp tục kiểm soát chặt sản lượng thép thô và ngăn chặn công suất mới trái phép trong giai đoạn 2026–2030, trong khuôn khổ chính sách cắt giảm phát thải carbon.

Biểu đồ 2: Diễn biến sản lượng thép Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: NBS.



Về nhu cầu, dù tổng tiêu thụ thép được dự báo tiếp tục giảm, nhu cầu từ các ngành công nghiệp chất lượng cao như xe năng lượng mới (NEV), ô tô, đóng tàu và thiết bị gia dụng vẫn duy trì xu hướng tăng. Theo Viện Nghiên cứu & Quy hoạch Công nghiệp Luyện kim Trung Quốc, tiêu thụ thép năm 2025 ước đạt 808 triệu tấn (giảm 5,4%) và năm 2026 giảm nhẹ xuống 800 triệu tấn. Riêng ngành ô tô, nhu cầu thép dự kiến tăng từ 63,9 triệu tấn năm 2025 lên 66,7 triệu tấn năm 2026, nhờ tăng trưởng sản lượng và tỷ trọng xe NEV.

2 Xuất nhập khẩu, tồn kho

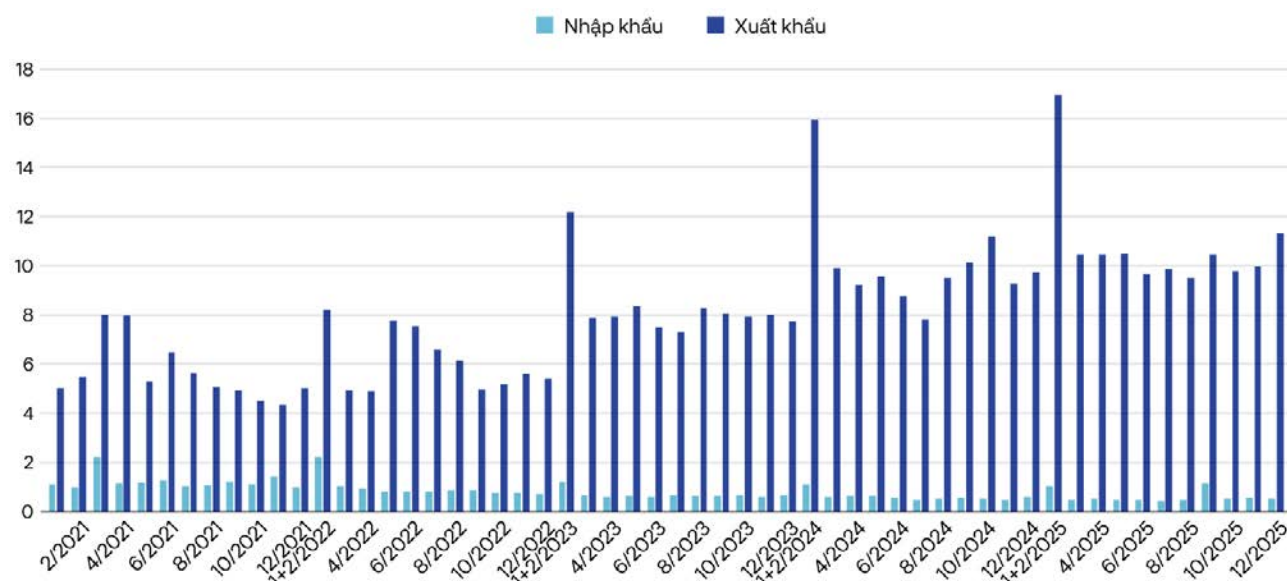
Trong bối cảnh nhu cầu nội địa Trung Quốc suy yếu, xuất khẩu thép của quốc gia này đã tăng vọt lên mức kỷ lục. Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, xuất khẩu thép thành phẩm trong tháng 12/2025 đạt 11,3 triệu tấn, vượt qua mức đỉnh lịch sử năm 2015. Tính chung cả năm, xuất khẩu thép tăng 7,5% lên khoảng 119 triệu tấn, mức cao nhất từ trước đến nay (**Biểu đồ 3**).

Kết quả này đạt được bất chấp làn sóng bảo hộ thương mại toàn cầu, bao gồm các biện pháp chống bán phá giá tại nhiều thị trường. Các nhà sản xuất thép Trung Quốc đã thích ứng bằng cách chuyển hướng sang các thị trường ít rào cản hơn, đặc biệt là Trung Đông, đồng thời gia tăng xuất khẩu bán thành phẩm, vốn ít bị hạn chế hơn so với thép thành phẩm.

Tuy nhiên, triển vọng xuất khẩu trong thời gian tới đối mặt với nhiều thách thức. Cuối năm 2025, Bộ Thương mại Trung Quốc (MOFCOM) cùng Tổng cục Hải quan đã áp dụng cơ chế cấp phép xuất khẩu đối với một số sản phẩm thép, điều này có thể làm giảm tính linh hoạt của xuất khẩu như một công cụ cân bằng thị trường, gia tăng chi phí hành chính và buộc doanh nghiệp điều chỉnh kế hoạch sản xuất. Dù vậy, một số chuyên gia cho rằng tác động thực tế của biện pháp này có thể không quá lớn, do giá thép nội địa đang ở mức thấp và người mua nước ngoài có thể chấp nhận chi phí tăng thêm (**Bảng 3**).

Biểu đồ 3: Diễn biến xuất nhập khẩu thép thành phẩm của Trung Quốc

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: NBS.



Bảng 3: Xuất nhập khẩu thép thành phẩm của Trung Quốc

Ngành hàng	Tháng 12/2025 (triệu tấn)	+/- tháng 11 (%)	+/- Năm 2025/24 (%)	Lũy kế 11T (triệu tấn)	+/- Năm 2025/24 (%)
Xuất khẩu thép thành phẩm	11,30	▲ 13,23	▲ 16,40	119,02	▲ 7,50
Nhập khẩu thép thành phẩm	0,52	▲ 3,40	▼ 16,60	6,60	▼ 11,10
Nhập khẩu Quặng sắt	119,60	▲ 8,20	▲ 6,40	1,26	▲ 1,80

Ở chiều ngược lại, nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc tiếp tục lập kỷ lục, tăng 1,8% lên khoảng 1,26 tỷ tấn trong năm 2025, đánh dấu năm thứ ba liên tiếp tăng trưởng. Tuy nhiên, tại ngày 15/1, lượng tồn kho quặng sắt tại các cảng lớn đã tăng tuần thứ 8 liên tiếp, đạt 165,6 triệu tấn, ghi nhận mức cao nhất từ trước đến nay, cho thấy nhu cầu từ các nhà máy thép đang có dấu hiệu chững lại. Cùng thời điểm, tồn kho tại các nhà máy thép giảm 2,1% so với tuần trước đó, nhưng khối lượng giao dịch quặng sắt tại các cảng giảm mạnh 20,3%, phản ánh tâm lý thận trọng của thị trường trước triển vọng nhu cầu chưa thực sự phục hồi (**Biểu đồ 4**).

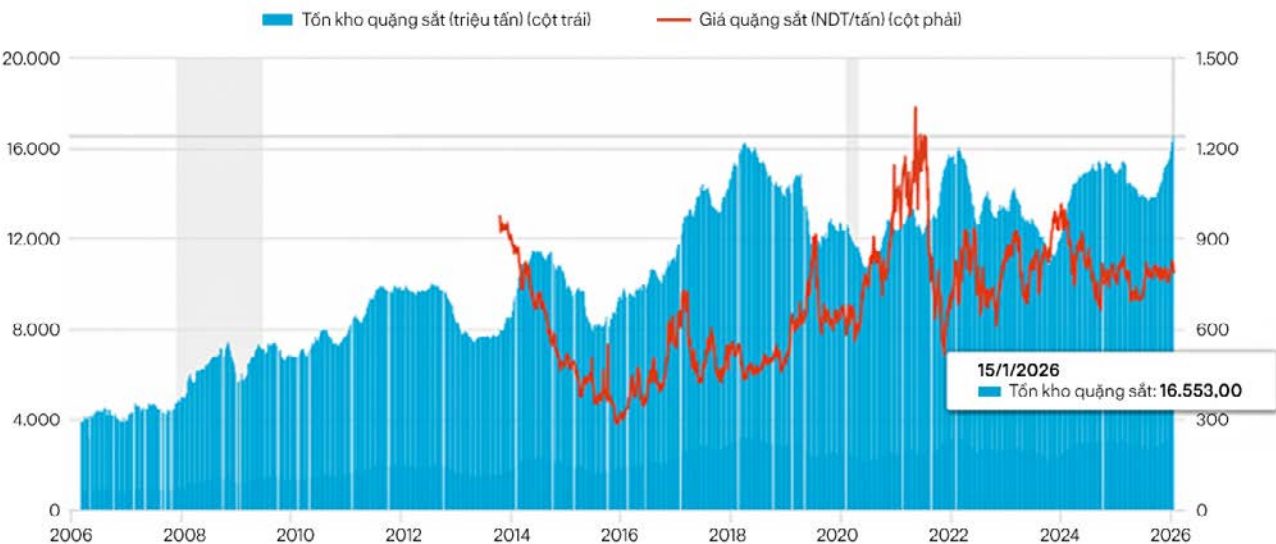
3 Diễn biến giá

Năm 2025 chứng kiến giá thép xây dựng Trung Quốc đi xuống với mức giảm dưới 10%. Diễn biến giằng co tiếp tục duy trì sang đầu năm nay tuy nhiên biên độ dao động không nhiều.

Trong tuần đầu tháng 1/2026, giá quặng sắt kỳ hạn tăng lên mức cao nhất trong nhiều tháng, được hỗ trợ bởi kỳ vọng Bắc Kinh sẽ nới lỏng chính sách tiền tệ. Tuyên bố của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc về kế hoạch cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và lãi suất đã cải thiện tâm lý thị trường kim loại. Ngoài ra, kỳ vọng các nhà máy thép sẽ tăng cường tái tích trữ nguyên liệu trước Tết Nguyên đán cũng góp phần nâng đỡ diễn biến giá.

Biểu đồ 4: Diễn biến tồn kho quặng sắt tại Trung Quốc tính đến ngày 15/1/2026

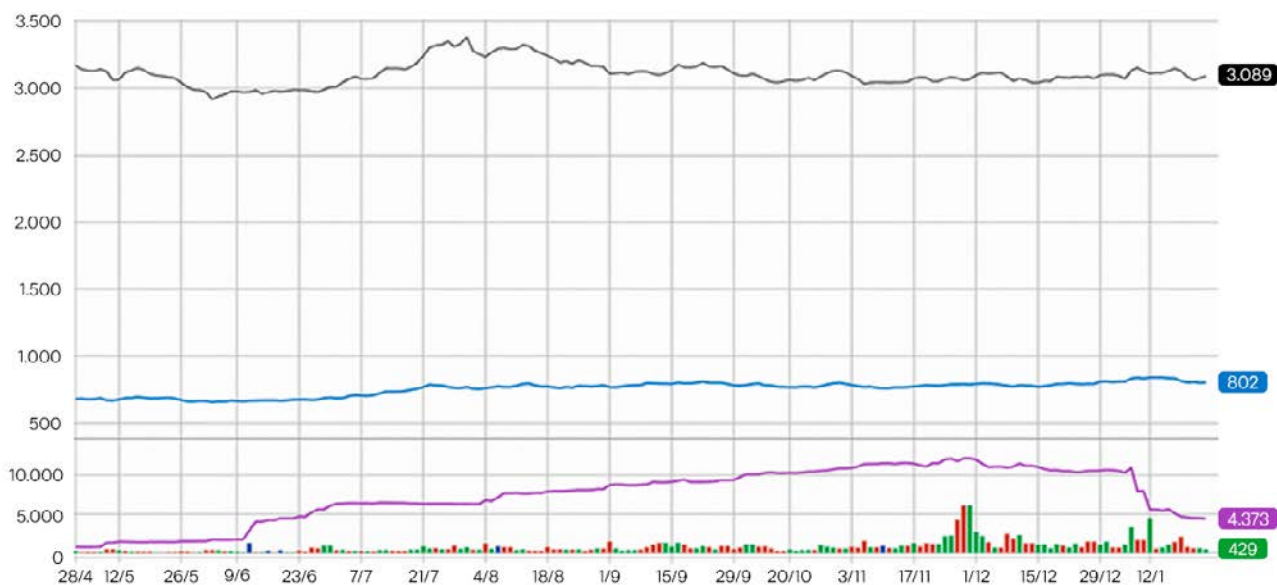
Nguồn: MacroMicro.



Tuy nhiên, đến ngày 16/1, giá quặng sắt quay đầu giảm do nhu cầu thép nội địa suy yếu. Hợp đồng quặng sắt kỳ hạn tháng 5/2026 trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên giảm 0,5%, xuống 812 nhân dân tệ/tấn, trong khi hợp đồng tại Sàn Singapore giảm 1% xuống còn khoảng 106 USD/tấn (**Biểu đồ 5**). ■

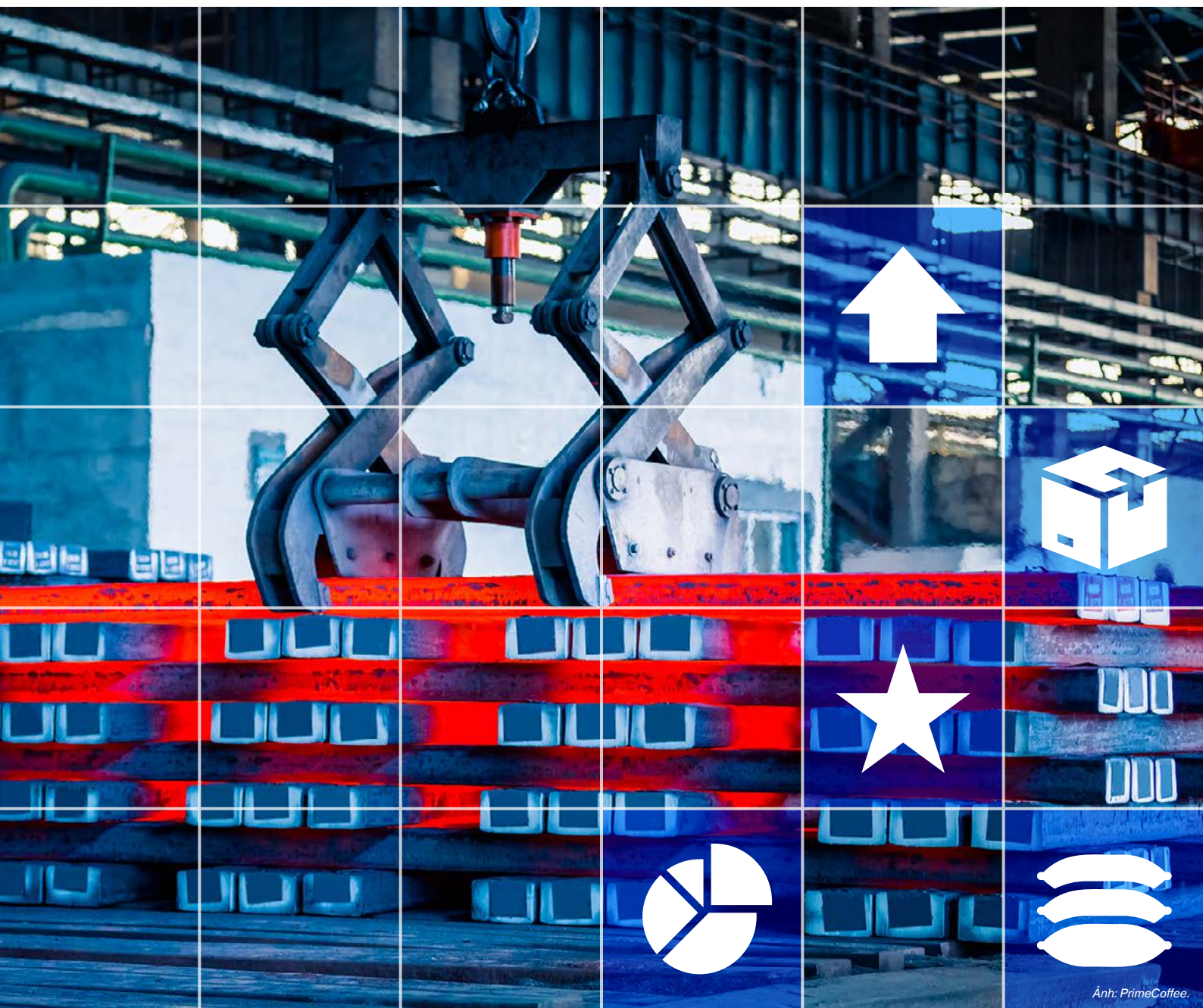
Biểu đồ 5: Diễn biến giá thép thanh (đường đen) và quặng sắt kỳ (đường xanh) hạn tháng 2/2026 trên Sàn Thương Hải (SHFE)

Đơn vị: NDT/tấn. Nguồn: Barchart.



Phần III:

Thị trường thép Việt Nam



Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), thị trường thép Việt Nam 2025 dần hồi phục và đạt kết quả tăng trưởng tích cực cả năm. Sản lượng sản xuất thép thô cả năm 2025 đạt gần 24,7 triệu tấn, tăng 12% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây. Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 12/2025 đạt gần 3 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ 2024. Lũy kế cả năm 2025 đạt hơn 32,26 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2024. Theo VSA, ngành thép Việt Nam năm 2026 được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ 8 - 10%. VSA dự báo sản xuất thép thành phẩm giai đoạn này sẽ đạt khoảng 33 - 34,5 triệu tấn, và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt khoảng 26 triệu tấn.

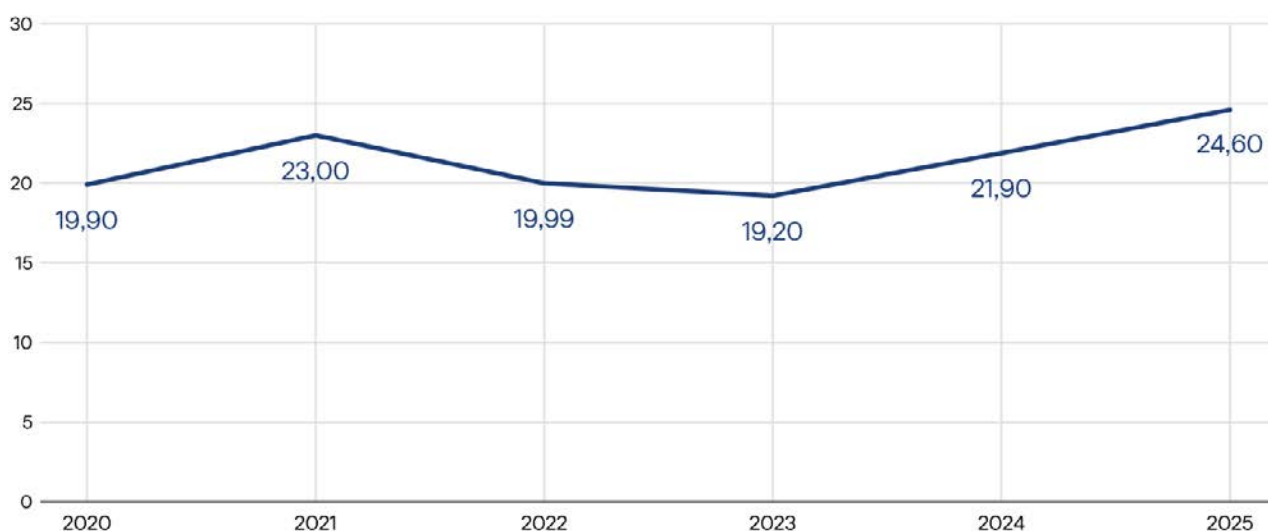
1 Nguồn cung

a. Sản xuất trong nước

Theo số liệu của Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), thị trường thép Việt Nam 2025 dần hồi phục và đạt kết quả tăng trưởng tích cực cả năm. Sản lượng sản xuất thép thô cả năm 2025 đạt gần 24,7 triệu tấn, tăng 12% so với năm 2024 và là mức cao nhất trong 5 năm trở lại đây (**Biểu đồ 6**).

Biểu đồ 6: Sản lượng thép thô trong 5 năm qua

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA.



Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 12/2025 đạt gần 3 triệu tấn, tăng 11% so với cùng kỳ 2024. Lũy kế cả năm 2025 đạt hơn 32,26 triệu tấn, tăng 10% so với năm 2024.

Kết quả này cho thấy đà phục hồi tương đối rõ nét của ngành thép, tuy nhiên mức tăng trưởng không đồng đều giữa các nhóm sản phẩm.

Thép xây dựng tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu sản lượng. Trong tháng 12/2025, sản lượng thép xây dựng đạt hơn 1,16 triệu tấn, tăng 15% so với cùng kỳ năm ngoái. Tính chung cả năm, sản lượng đạt gần 12,85 triệu tấn, tăng 10%.

Đáng chú ý, thép cán nóng (HRC) là nhóm sản phẩm ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất. Sản lượng HRC trong tháng 12/2025 đạt hơn 1,01 triệu tấn, tăng tới 71% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm, sản lượng đạt khoảng 8,53 triệu tấn, tăng 25%.

Trái lại, sản lượng thép cán nguội (CRC) trong tháng 12/2025 đạt gần 184.000 tấn, giảm 22% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tính chung cả năm 2025, sản lượng CRC vẫn đạt hơn 3,06 triệu tấn, tăng 13%.

Bảng 4: Sản lượng thép thành phẩm trong tháng 12 và năm 2025

Nguồn: VSA.

	Tháng 12/2025		Lũy kế năm 2025	
	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Sản lượng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	1.162.298	▲ 15%	12.850.179	▲ 10%
Thép cán nóng (HRC)	1.016.823	▲ 71%	8.527.187	▲ 25%
Thép cán nguội (CRC)	183.740	▼ 22%	3.058.383	▲ 13%
Tôn mạ	411.340	▼ 8%	5.291.512	▼ 7%
Ống thép	225.494	▲ 5%	2.536.399	▲ 3%
Tổng cộng	2.999.695	▲ 11%	32.263.660	▲ 10%

Đối với tôn mạ, sản lượng trong tháng 12/2025 đạt khoảng 411.000 tấn, giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế cả năm, sản lượng đạt hơn 5,29 triệu tấn, giảm 7%. Đây là nhóm sản phẩm duy nhất ghi nhận mức suy giảm trong cả tháng và cả năm.

Sản lượng ống thép trong tháng 12/2025 đạt hơn 225.000 tấn, tăng 5% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm, sản lượng đạt khoảng 2,54 triệu tấn, tăng 3% (**Bảng 4**).

Về nguồn cung từ nước ngoài, năm 2025, Việt Nam nhập khẩu 16 triệu tấn, trị giá 11,2 tỷ USD, giảm 9% về lượng và giảm 11% về trị giá so với 2024 (**Biểu đồ 7, Bảng 5**).

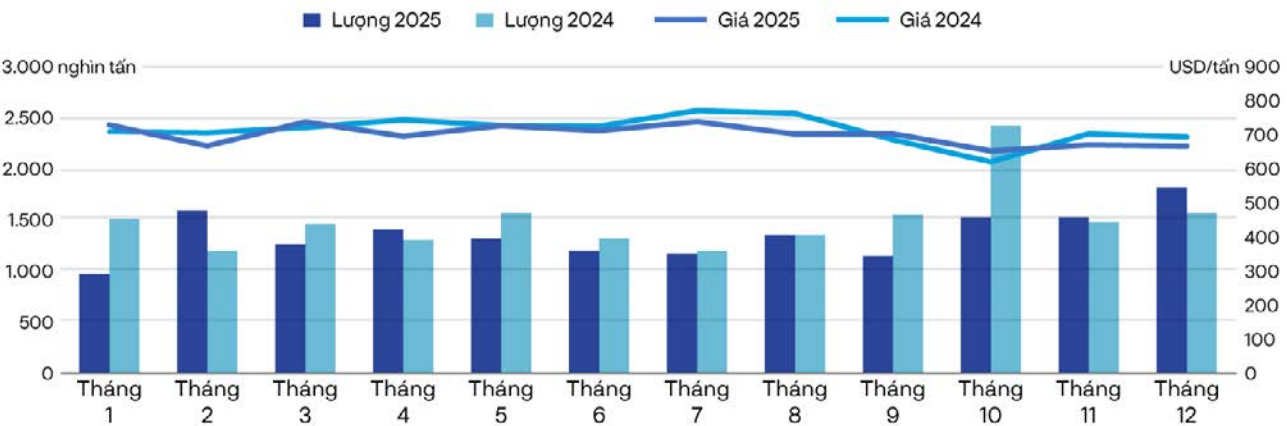
Bảng 5: Top 10 quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.

Thị trường	Năm 2025		Tỷ trọng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	16.091.651	11.212.590	100,00%	100,00%
Trung Quốc	9.244.165	5.807.093	57,45%	51,79%
Nhật Bản	2.183.235	1.430.018	13,57%	12,75%
ASEAN	1.764.835	1.785.128	10,97%	15,92%
Hàn Quốc	1.693.849	1.312.949	10,53%	11,71%
Đài Loan	914.865	609.655	5,69%	5,44%
Ấn Độ	129.272	106.032	0,80%	0,95%
Australia	589.030	25.287	3,66%	0,23%
EU	34.160	83.472	0,21%	0,74%
Nam Phi	28.290	12.756	0,18%	0,11%
Anh	37.250	2.084	0,23%	0,02%

Biểu đồ 7: Diễn biến giá và lượng nhập khẩu thép của Việt Nam 2024-2025

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.



b. Tiêu thụ

Theo số liệu của VSA, lượng tiêu thụ đạt 31,62 triệu tấn, tăng gần 9% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, năm nay các doanh nghiệp tiêu thụ gần hết lượng thép đã sản xuất.

Trong đó, tiêu thụ thép xây dựng - mặt hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 41%, ghi nhận bán hàng tăng trưởng gần 12% lên hơn 13 triệu tấn. Trong tháng 12/2025, lượng bán hàng thép xây dựng tăng mạnh nhất trong 36 tháng trở lại với mức tăng so với cùng kỳ năm ngoái và tháng 11/2025 lần lượt 40% và 32%. Xu hướng gia tăng tiêu thụ thép xây dựng được VSA dự báo sẽ kéo dài đến hết quý I/2026.

Trong khi đó, bán hàng HRC tăng mạnh nhất trong số các sản phẩm thép với 25% lên 8,4 triệu tấn.

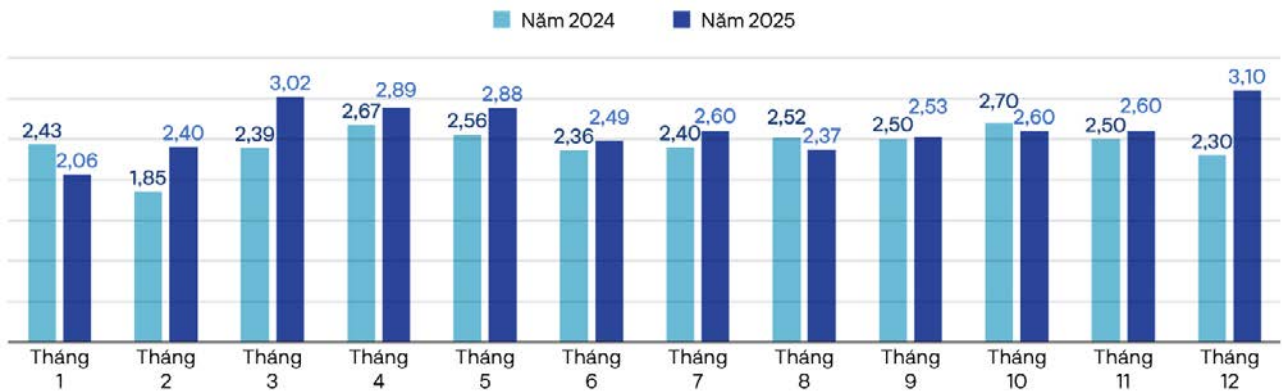
Bán hàng HRC tăng mạnh trong bối cảnh Hoà Phát chính thức vận hành dự án Dung Quất 2, đi kèm với lệnh áp thuế chống bán phá giá 23,1% - 27,83% đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc mà Bộ Công Thương đã ban hành hồi tháng 7/2025.

Tuy nhiên, mức tăng trưởng chung của tiêu thụ thép chủ yếu vẫn đến từ thị trường nội địa khi xuất khẩu các sản phẩm thép thành phẩm vẫn tiếp tục xu hướng giảm trong bối cảnh nhu cầu của thế giới yếu và hàng rào phòng vệ thương mại của nhiều nước dựng lên.

Cụ thể, các doanh nghiệp xuất khẩu gần 5 triệu tấn thép trong năm 2025, giảm sâu 38% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, mặt hàng HRC chịu tác động lớn nhất khi giảm tới 60% xuống 886.000 tấn. Tiếp đến là tôn mạ khi xuất khẩu giảm gần một nửa so với năm 2024, xuống 1,57 triệu tấn (**Biểu đồ 8, 9, 10**).

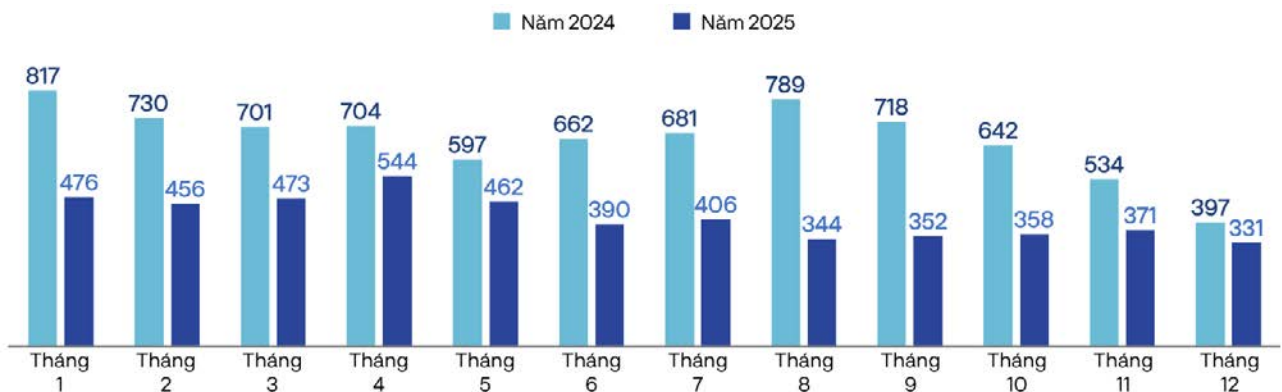
Biểu đồ 8: Tiêu thụ thép thành phẩm trong năm 2024 và 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA.



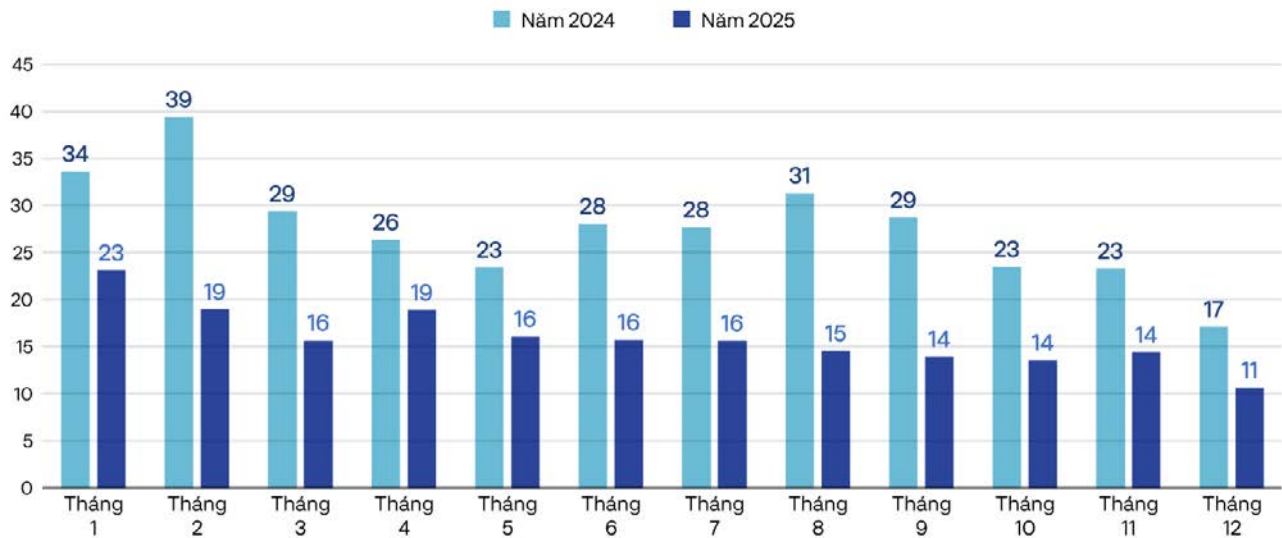
Biểu đồ 9: Xuất khẩu thép thành phẩm trong năm 2024 và 2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA.



Biểu đồ 10: Diễn biến giá và lượng nhập khẩu thép của Việt Nam 2024-2025

Đơn vị: triệu tấn. Nguồn: VSA.



VSA nhận định thị trường thép năm 2025 nhận tín hiệu tích cực từ nhu cầu tiêu thụ thép trong nước; tuy nhiên thép xuất khẩu gặp nhiều khó khăn về các hàng rào thuế quan, kỹ thuật cùng các biện pháp phòng vệ thương mại, các hình thức thuế mới, xung đột chính trị khu vực và hàng loạt các chính sách mới và diễn biến không ổn định của thị trường thép toàn cầu.

Đối với thị trường nội địa, ngành thép Việt Nam đạt được kết quả tích cực nhờ sự cộng hưởng của nhiều yếu tố thuận lợi.

Việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào các dự án hạ tầng trọng điểm như Cao tốc Bắc - Nam (giai đoạn 2), sân bay quốc tế Long Thành và các tuyến vành đai đô thị đã thúc đẩy nhu cầu thép xây dựng tăng trưởng mạnh mẽ.

Các chính sách khơi thông từ bất động sản, tín dụng bắt đầu thắm thấu, giúp số lượng dự án khởi công mới tăng trở lại, trực tiếp kéo theo nhu cầu tiêu thụ thép dài và thép dẹt. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ thép cho thị trường dự án, dân dụng cuối năm khá tốt, đặc biệt là nhu cầu thép để tái thiết xây dựng lại nhà cửa, công trình bị ảnh hưởng bởi cơn bão Bualo, Matmo cuối tháng 9 và đầu tháng 10.

Hàng loạt Nghị quyết mới cùng với các đòn bẩy tài chính như chính sách tiền tệ, tín dụng, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, cũng với việc áp dụng một số biện pháp phòng vệ thương mại tạo điều kiện môi trường kinh doanh thép nội địa cạnh tranh công bằng giúp các doanh nghiệp trong nước giữ vững thị phần, tối ưu hóa công suất vận hành.

Năm 2025, ngành thép Việt Nam đạt nhiều kết quả tích cực trong các vụ việc chống bán phá giá và rà soát thương mại đối với các sản phẩm thép tại các thị trường xuất khẩu như Liên minh châu Âu (EU), Canada, Australia, Ấn Độ,... Theo đó, các sản phẩm thép Việt Nam có mức thuế chống bán phá giá thép xuất khẩu từ Việt Nam đạt 0% hoặc biên độ thuế thấp hơn các quốc gia cùng bị điều tra. Điều này giúp các doanh nghiệp thép xuất khẩu của Việt Nam duy trì lợi thế cạnh tranh và hỗ trợ chuỗi xuất khẩu toàn cầu.

Bên cạnh đó, một số quốc gia cũng ban hành kết luận không tồn tại tình hình kinh tế phi thị trường trong ngành thép của Việt Nam đối với các kết luận điều tra của EU trong vụ việc chống bán phá giá HRC, Canada điều tra dây đai thép,...

Kết luận này khi được chính thức ban hành sẽ là tiền lệ tốt cho các vụ việc khác của Canada và của các nước khác trong tương lai với thép nói riêng và các sản phẩm xuất khẩu khác của Việt Nam nói chung, ví dụ như các vụ việc điều tra kinh tế phi thị trường, tình hình thị trường đặc biệt do Mexico, EU,...đang tiến hành với các doanh nghiệp thép Việt Nam (**Bảng 6, 7**).

Tổng lượng thép xuất khẩu (bao gồm cả thép thô, thép thành phẩm và các loại thép khác) đạt hơn 10 triệu tấn, trị giá 6,6 tỷ USD giảm 20% về lượng và giảm 27% so với cùng kỳ năm ngoái (**Biểu đồ 11**).

Trong đó, ASEAN là thị trường tiêu thụ thép lớn nhất chiếm tỷ trọng 34%, EU đứng thứ hai với 20,6%

Bảng 6: Bán hàng thép thành phẩm trong tháng 12 và năm 2025

Nguồn: VSA.

	Tháng 12/2025		Lũy kế năm 2025	
	Bán hàng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Bán hàng (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	1.435.949	▲ 39,7%	13.297.667	▲ 12%
Thép cán nóng (HRC)	917.831	▲ 81,0%	8.454.546	▲ 29%
Thép cán nguội (CRC)	158.940	▼ 16,0%	2.412.795	▼ 8%
Tôn mạ	366.269	▼ 2,0%	4.741.249	▼ 13%
Ống thép	238.093	▲ 6,0%	2.719.668	▲ 6%
Tổng cộng	3.117.082	▲ 34,0%	31.625.925	▲ 9%

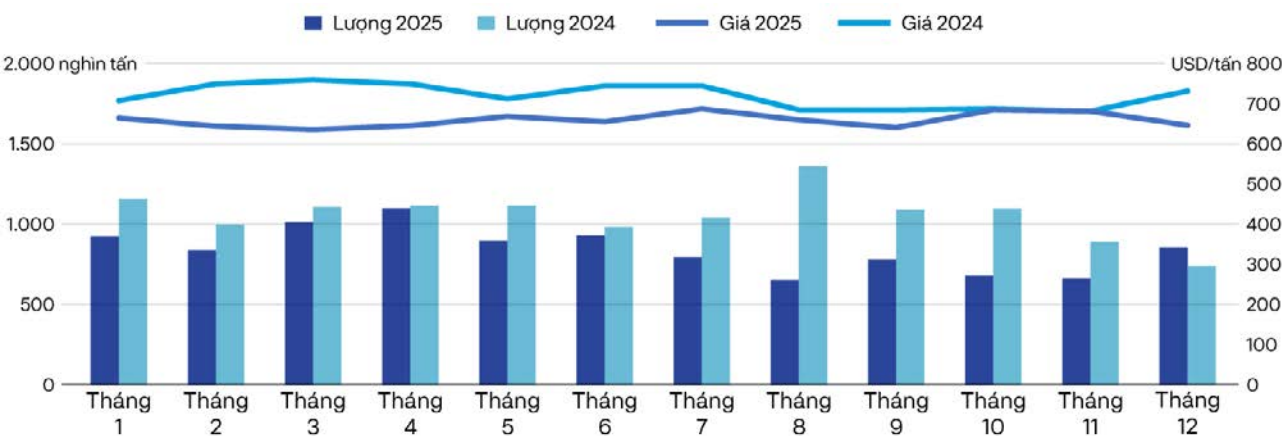
Bảng 7: Xuất khẩu thép thành phẩm trong tháng 12 và năm 2025

Nguồn: VSA.

	Tháng 12/2025		Lũy kế năm 2025	
	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái	Xuất khẩu (tấn)	So với cùng kỳ năm ngoái
Thép xây dựng	133.373	▲ 19%	1.533.782	▼ 21%
Thép cán nóng (HRC)	50.466	▼ 18%	886.949	▼ 61%
Thép cán nguội (CRC)	34.198	▼ 29%	639.616	▲ 20%
Tôn mạ	89.691	▼ 37%	1.572.869	▼ 48%
Ống thép	23.271	▼ 29%	364.356	▲ 15%
Tổng cộng	330.999	▼ 17%	4.997.572	▼ 38%

Biểu đồ 11: Diễn biến giá và lượng nhập khẩu thép của Việt Nam 2024-2025

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.



Bảng 8: Top 10 quốc gia cung cấp thép cho Việt Nam

Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA.

Thị trường	Năm 2025		Tỷ trọng	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	10.062.733	6.626.847	100,00%	100,00%
ASEAN	3.422.460	2.046.877	34,01%	30,89%
EU	2.075.711	1.397.787	20,63%	21,09%
Ấn Độ	921.805	716.083	9,16%	10,81%
Hoa Kỳ	807.076	531.090	8,02%	8,01%
Đài Loan	506.969	339.996	5,04%	5,13%
Australia	389.943	242.633	3,88%	3,66%
Hàn Quốc	253.696	234.676	2,52%	3,54%
Brazil	175.404	98.006	1,74%	1,48%
Anh	143.142	101.263	1,42%	1,53%
Thổ Nhĩ Kỳ	74.215	71.718	0,74%	1,08%

2 Diễn biến giá

Giá nguyên liệu thép

Giá quặng sắt 62%Fe bình quân tháng 12/2025 ở mức 105,3 USD/ tấn, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2024 và tăng 0,6% so với tháng trước đó. Giá quặng sắt bình quân năm 2025 ở mức 102,1 USD/tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ 2024.

Giá than mỡ luyện coke giao dịch bình quân tháng 12/2025 ở mức 211 USD/tấn, tăng 7% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ 2024. Giá than mỡ PVL bình quân năm 2025 ở mức 189,7 USD/tấn, giảm 21,9% so với cùng kỳ 2024.

Giá thép phế trung bình tháng 12/2025 ở mức 382 USD/tấn, giảm 1,9% so với cùng kỳ 2024 và giảm 0,9% so với tháng 11/2025. Tính trung bình cả năm 2025, giá mặt hàng này ở mức 382,5 USD/tấn, giảm 8,2% so với cả năm 2024 (**Bảng 9**).

Bảng 9: Giá bình quân các loại nguyên liệu thép

Nguồn: VSA.

Mặt hàng	ĐVT	Giá BQ 2024	Giá BQ 2025	Tỷ lệ 2025/2024 (%)
Quặng sắt 62% Fe CFR Bắc TQ	\$/tấn CFR	105,1	102,1	▼ 2,9%
Thép phế HMS 1/2 80:20, ĐÁ	\$/tấn CFR	382,5	351,0	▼ 8,2%
Phôi thép, ĐNÁ	\$/tấn CFR	494,3	456,3	▼ 7,7%
Thép xây dựng, ĐNÁ	\$/tấn CFR	521,3	475,6	▼ 8,8%
HRC SAE1006, ĐNÁ	\$/tấn CFR	525,7	491,4	▼ 6,5%

Giá thép thành phẩm

Giá HRC ngày 12/1/2026 ở mức 480-491 USD/tấn, CFR Việt Nam, tăng 10 USD/tấn so với giá giao dịch đầu tháng 12/2025, nhưng vẫn giảm đáng kể so với đầu năm 2025. Giá HRC bình quân năm 2025 ở mức 491 USD/tấn, giảm 6,5% so với 2024 (**Biểu đồ 12**).

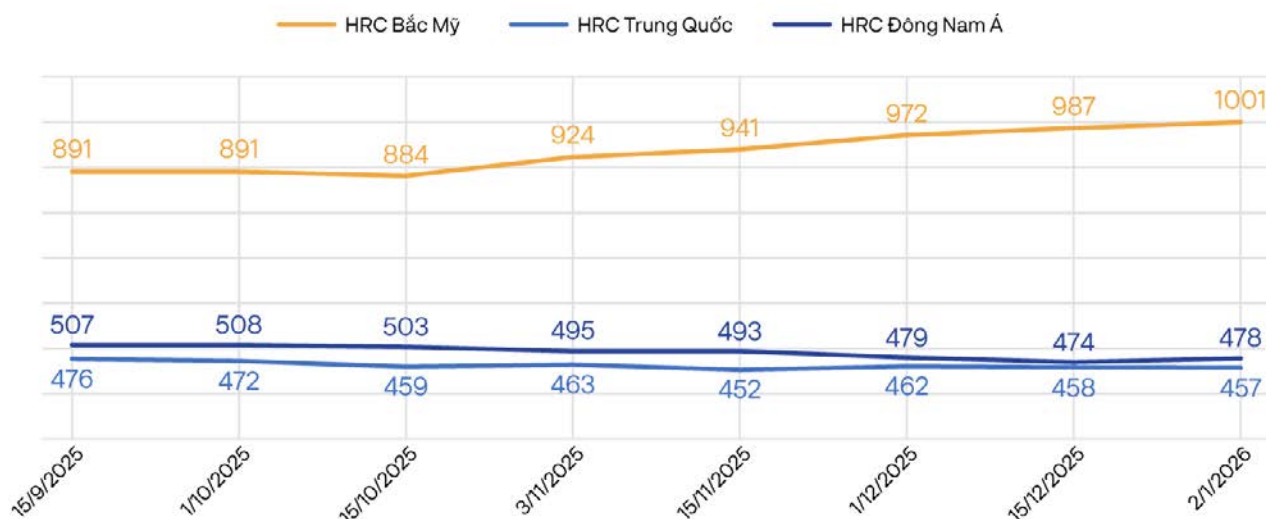
Trong khi đó, giá thép xây dựng tính đến cuối năm 2025 gần như không đổi so với thời điểm đầu năm. Cụ thể, tính đến ngày 30/12, các

doanh nghiệp bình ổn giá thép xây dựng. Hòa Phát báo giá thép CB240 và D10 CB300 ghi nhận lần lượt 13.800 đồng/kg và 13.600 đồng/kg. Tương tự, Thép Việt Sing cũng ghi nhận giá thép CB240 và D10 CB300 lần lượt 13.640 và 13.430 đồng/kg.

Trong khi đó, thép Việt Ý ghi nhận CB240 13.690 đồng/kg và CB300 13.380 đồng/kg; thép Việt Đức CB240 13.500 đồng/kg và CB300 13.300 đồng/kg (**Biểu đồ 13**).

Biểu đồ 12: Tổng hợp giá HRC tại các thị trường năm 2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Australia News tháng 1/2026.



Biểu đồ 13: Diễn biến giá thép CB240 trong nước

Giá thép ghi nhận tới ngày 30/12/2025.

Đơn vị: nghìn đồng/kg. Nguồn: SteelOnline.



3 Dự báo

Bước sang năm 2026, ngành thép Việt Nam bước vào bước sang một chương mới với những cơ hội và thách thức mới. Ngày 8/1, Chính phủ ban hành và triển khai Nghị quyết số 01/NĐ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 với tăng trưởng GDP cả nước từ 10% trở lên; trong đó tăng trưởng công nghiệp đạt khoảng 11%.

Theo VSA, ngành thép Việt Nam năm 2026 được dự báo tăng trưởng mạnh mẽ 8 - 10%. VSA dự báo sản xuất thép thành phẩm giai đoạn này sẽ đạt khoảng 33 - 34,5 triệu tấn, và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt khoảng 26 triệu tấn.

Các động lực tăng trưởng chính từ nhu cầu tiêu thụ thép thị trường trong nước như chính sách đầu tư công (cao tốc, sân bay), phục hồi bất động sản dân dụng, cùng việc các dự án lớn đi vào hoạt động.

Về sức ép từ hàng nhập khẩu, đặc biệt là Trung Quốc, theo VNSteel việc Trung Quốc áp dụng cơ chế giấy phép xuất khẩu thép từ ngày 1/1/2026 được đánh giá sẽ tác động gián tiếp nhưng đáng kể tới lượng thép Trung Quốc nhập khẩu vào Việt Nam.

Cơ chế cấp phép tạo thêm rào cản hành chính, khiến dòng thép xuất khẩu mang tính chọn lọc hơn về chủng loại, khối lượng và thời điểm giao hàng trong bối cảnh Việt Nam đã và đang áp dụng nhiều biện pháp phòng vệ thương mại đối với thép xuất xứ Trung Quốc, nhất là các sản phẩm thép nằm trong danh mục cấp phép xuất khẩu của Trung Quốc đồng thời cũng thuộc diện kiểm soát tại Việt Nam.

Trong năm 2025, Việt Nam đã thực hiện các biện pháp phòng vệ thương mại mạnh mẽ đối với các sản phẩm thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Trong đó, Việt Nam đã hoàn thành điều tra và áp thuế chính thức với thép cán nóng và thép mạ; hiện đang tiến hành điều tra chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với sản phẩm thép cán nóng khổ rộng trên 1.880mm; tiến hành rà soát các biện pháp đang có hiệu lực đối với thép hình chữ H. ■

Phần IV:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



Năm 2025, bức tranh ngành thép phân hoá mạnh khi nhóm thép xây dựng hưởng lợi hơn nhờ nhu cầu nội địa (đầu tư công, hạ tầng), trong khi nhóm tôn mạ/ống thép chịu áp lực khi xuất khẩu suy yếu và rào cản thương mại tăng, kéo biên lợi nhuận toàn ngành bị bào mòn.

Bước sang năm 2026, ngành thép Việt Nam dự kiến bước vào bước sang một chương mới với những cơ hội và thách thức mới. Ngày 8/1, Chính phủ ban hành và triển khai Nghị quyết số 01/NĐ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội năm 2026 với tăng trưởng GDP cả nước từ 10% trở lên; trong đó tăng trưởng công nghiệp đạt khoảng 11%.

Điều này hứa hẹn một năm đầy thuận lợi với các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, nguyên vật liệu. Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA) dự báo ngành thép Việt Nam năm 2026 tăng trưởng 8 - 10%. Trong đó, sản xuất thép thành phẩm sẽ đạt khoảng 33 - 34,5 triệu tấn và nhu cầu tiêu thụ thép trong nước ước đạt khoảng 26 triệu tấn.

Các động lực tăng trưởng chính từ nhu cầu tiêu thụ thép thị trường trong nước như chính sách đầu tư công (cao tốc, sân bay), phục hồi bất động sản dân dụng, cùng việc các dự án lớn đi vào hoạt động.

Tập đoàn Hòa Phát (Mã: HPG)



Tập đoàn Hòa Phát đã công bố kết quả kinh doanh quý IV/2025 với 47.302 tỷ đồng doanh thu, tăng 34% so với cùng kỳ năm 2024; lợi nhuận sau thuế đạt 3.888 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế cả năm 2025, tập đoàn đạt 158.332 tỷ đồng doanh thu, 15.515 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt đạt 93% và 103% kế hoạch đề ra, tăng tương ứng 13% và 29% so với năm

2024. Dù lợi nhuận năm 2025 cao thứ hai trong lịch sử hoạt động song vẫn thấp hơn rất nhiều so với con số kỷ lục của năm 2021 (34.521 tỷ đồng).

Lĩnh vực gang thép, sản phẩm liên quan đóng góp chính vào tổng doanh thu của tập đoàn trong năm vừa qua với 94%. Nông nghiệp đóng góp 5% doanh thu, lớn thứ hai sau thép.

Quý IV năm ngoái, Hòa Phát sản xuất hơn 3 triệu tấn thép thô, tăng 10% so với quý 3 và tăng 36% so với cùng kỳ năm 2024. Sản lượng bán hàng thép cuộn cán nóng (HRC), thép xây dựng, thép chất lượng cao và phôi thép đạt 3 triệu tấn, tăng 24% so với quý trước và tăng 53% so với cùng kỳ năm 2024.

Lũy kế cả năm 2025, Hòa Phát sản xuất 11 triệu tấn thép thô, tăng 26% so với năm 2024.

Bán hàng HRC, thép xây dựng, thép cuộn chất lượng cao và phôi thép lần đầu tiên trong lịch sử đạt 10,6 triệu tấn trong một năm, tăng 31% so với năm trước. Trong đó, thép cuộn cán nóng đóng góp 5 triệu tấn, tăng 73% so với năm 2024.

Sản lượng HRC tăng nhanh một phần nhờ Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 hoàn thành và có sản phẩm từ tháng 9/2025.

Ngoài ra, Hòa Phát ghi nhận 423.000 tấn tôn mạ, tương đương năm ngoái. Sản phẩm ống thép đạt xấp xỉ 850.000 tấn, củng cố thị phần số 1 Việt Nam với 30,8%. Thép dự ứng lực, thép rút dây các loại tăng 29% về sản lượng bán hàng với 174.000 tấn, trong đó xuất khẩu đóng góp trên 40%.

Năm 2025, Nông nghiệp Hòa Phát đánh dấu 10 năm phát triển với doanh thu 8.326 tỷ đồng và lợi nhuận 1.600 tỷ đồng, tương ứng tăng 18% và 55% so với năm 2024.

Tập đoàn đã phát hành thành công 30 triệu cổ phiếu Nông nghiệp Hòa Phát (HPA) lần đầu ra công chúng và đang hoàn tất các thủ tục để niêm yết chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE, dự kiến trong tháng 2 tới.

Lĩnh vực điện máy gia dụng (gồm các dòng sản phẩm điện lạnh, điện máy gia dụng) ghi nhận quy mô doanh thu cao gấp 5 lần so với năm 2021, khi Tổng Công ty Điện máy gia dụng Hòa Phát được thành lập.

Trong lĩnh vực bất động sản, tập đoàn mở rộng thêm hàng loạt Khu công nghiệp tại Hưng Yên, TP Hải Phòng, Bắc Ninh, khởi công dự án nhà ở xã hội quy mô lớn tại tỉnh Hưng Yên.

Tổng Công ty Thép Việt Nam (VNSteel - Mã TVN)



Trái ngược với Hoà Phát, quý IV/2025, VNSteel dù ghi nhận doanh thu thuần tăng 27% lên 12.556 tỷ đồng, nhưng biên lợi nhuận gộp lại co hẹp từ 4,6% xuống 3,8%. Điều này cộng hưởng với đà tăng của các loại chi phí khiến lợi nhuận sau thuế giảm sâu 88%, chỉ còn hơn 26 tỷ đồng.

Doanh nghiệp giải trình lợi nhuận quý IV giảm sâu do doanh nghiệp đã hoàn tất thoái vốn tại CTCP Thép Vicasa - VNSteel làm ảnh hưởng tới số liệu tài chính.

Các chi phí bán hàng gia tăng và chi phí tài chính tăng mạnh do tăng tiền lãi ngân hàng và lãi mua hàng chậm trả tăng tại các đơn vị.

Ngoài ra, trong kỳ VNSteel ghi nhận lợi nhuận khác âm 31 tỷ trong khi cùng kỳ lãi 65 tỷ do thu nhập giảm trong khi chi phí tăng vọt ảnh hưởng chủ yếu bởi một số chi phí của các dự án đã có quyết định chấm dứt thực hiện tại công ty mẹ.

Lũy kế cả năm, VNSteel đạt 44.022 tỷ đồng doanh thu thuần, lãi ròng 519 tỷ; tăng lần lượt 22% và 67% so với năm 2024.

CTCP Thép Pomina (Mã: POM)



Quý IV/2025, Thép Pomina tiếp tục trượt dốc khi doanh thu thuần giảm mạnh 35% về 486 tỷ đồng, qua đó chuyển sang lỗ gộp 6 tỷ đồng, quay lại trạng thái kinh doanh dưới giá vốn sau 4 quý.

Công ty cũng tiếp tục chịu áp lực lớn từ chi phí tài chính 233 tỷ đồng, chủ yếu là lãi vay ngân hàng; đồng thời vẫn chịu khoản lỗ khác 81 tỷ đồng dù đã cải thiện so với cùng kỳ.

Kết quả, công ty ngành thép này báo lỗ sau thuế 326 tỷ đồng, tăng mạnh so với mức âm 200 tỷ cùng kỳ và là mức lỗ lớn nhất trong 10 quý gần đây.

Doanh nghiệp giải thích do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm, dẫn đến doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các công ty con giảm, trong khi các chi phí phát sinh, đặc biệt là chi phí cố định và chi phí tài chính không giảm tương ứng, ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh hợp nhất.

Chi phí quản lý trong kỳ ghi âm do công ty thực hiện kết chuyển chi phí khấu hao tài sản cố định trong thời gian dừng sản xuất sang khoản mục chi phí khác để phản ánh đúng bản chất. Việc điều chỉnh này không làm thay đổi tổng chi phí ghi nhận trên báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất mà chỉ là sự phân loại lại chi phí.

Tính chung cả năm, Pomina báo cáo doanh thu thuần giảm 6% về 2.180 tỷ đồng. Chi phí lãi vay cao là nguyên nhân chính khiến công ty lỗ sau thuế 838 tỷ đồng và là năm thua lỗ thứ 4 liên tiếp.

Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG)



Doanh nghiệp thị phần số 1 trong nhóm tôn mạ là CTCP Tập đoàn Hoa Sen (Mã: HSG) đã công bố kết quả kinh doanh quý I năm tài chính 2026 với doanh thu thuần 8.383 tỷ, lãi ròng 62 tỷ; giảm lần lượt 18% và 62% so với cùng kỳ.

Doanh thu thuần quý I năm tài chính 2026 nhiều khả năng suy giảm do sản lượng bán thép vẫn duy trì ở mức thấp, chủ yếu do xuất khẩu trầm lắng, xu hướng đã kéo dài trong nhiều quý gần đây.

Trong quý I, biên lợi nhuận gộp tiếp tục xu hướng giảm, thu hẹp 1 điểm % so với quý trước và 0,6 điểm % so với cùng kỳ xuống 11,2%.

Áp lực lên biên lợi nhuận đến từ chi phí đầu vào HRC tăng sau AD20, trong khi tình trạng dư cung kéo dài và nhu cầu xuất khẩu yếu làm gia tăng cạnh tranh trong nước, khiến các doanh nghiệp hạ nguồn có thể tăng giá đủ để bù cho chi phí nguyên vật liệu đầu vào cao hơn, bất chấp sự bảo hộ từ AD19.

CTCP Thép Nam Kim (Mã: NKG)



Bức tranh âm đạm cũng bao trùm lên Thép Nam Kim khi doanh thu thuần quý IV đạt 3.136 tỷ đồng, giảm 30% so với cùng kỳ và lỗ ròng 9 tỷ đồng.

Nam Kim ghi nhận biên lợi nhuận gộp quý cuối năm ngoài đạt 2,3%, giảm từ 4,8% trong quý III và 6,7% trong quý IV/2024.

Biên lợi nhuận gộp cả năm cũng thu hẹp xuống 5,3%, từ mức 8,9% của năm 2024.

Tương tự Hoa Sen, Vietcap cũng cho rằng nguyên nhân chính đến từ chi phí đầu vào HRC tăng sau khi áp dụng AD20 (thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu từ Trung Quốc), cùng với cạnh tranh gay gắt trong bối cảnh thị trường nội địa dư cung và xuất khẩu suy yếu.

Điều này hạn chế khả năng chuyển phần tăng trong chi phí đầu vào sang giá bán cao hơn của các doanh nghiệp thép hạ nguồn, dù đã được bảo hộ bởi thuế AD19 (thuế chống bán phá giá đối với tôn mạ nhập khẩu).

Luỹ kế năm 2025, doanh thu thuần của Nam Kim đạt 14.808 tỷ đồng, lãi ròng 197 tỷ; giảm lần lượt 28% và 56% so với năm 2024. ■

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA)
Hiệp hội Thép thế giới (Worldsteel)
Hiệp hội Thép Thế giới (WSA)
Bộ Công Thương
Bloomberg
TTXVN

Chứng khoán VNDirect
Reuters
GMK Center
NBS
MacroMicro
Barchart

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường thép năm 2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kỳ chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường thép quý III/2025
- Báo cáo thị trường thép tháng 10/2025
- Báo cáo thị trường thép tháng 11/2025

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Phạm Mơ, Hoàng Kiều, Lan Hương**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP